CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội

Ngày 31/12/2024	12,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.0%	**-4.7%**	**-**

DT thuần *Q4/24*
589 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 468| 387%
YoY: ▲ 317| 117%

LN thuần *Q4/24*
118 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 115| 4472%
YoY: ▲ 88.6| 301%

LN sau thuế *Q4/24*
75.6 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 72.8| 2640%
YoY: ▲ 53.0| 235%

Tỷ suất lãi EBIT *2024*
12.1%
YoY: +/-▼ 1.4%

ROE *2024*
15.1%
YoY: +/-▲ 9.0%

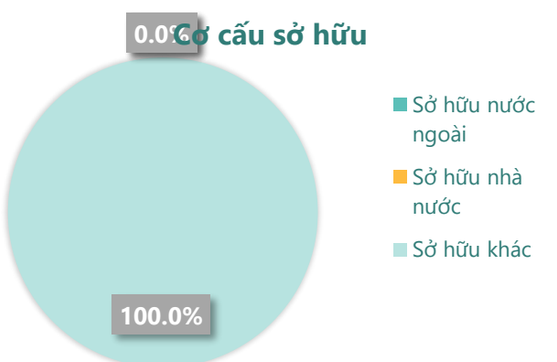
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,400 - 21,299
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	189
Số lượng CPLH (CP)	15,120,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	29,525
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.34
EPS	3,575
P/E	3.5

DT thuần *2024*
901 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 534| 146%

LN thuần *2024*
126 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 81.6| 184%

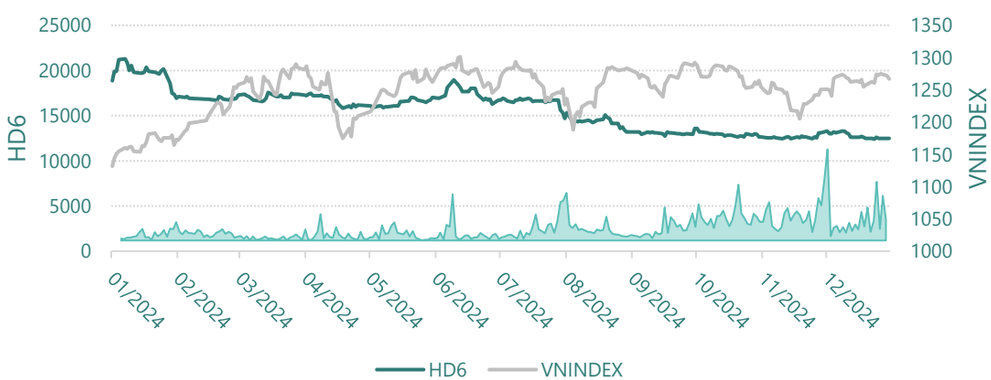
LN sau thuế *2024*
83.2 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 52.9| 175%

Cơ cấu sở hữu

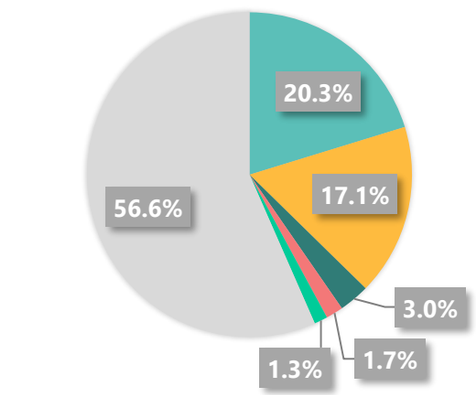


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

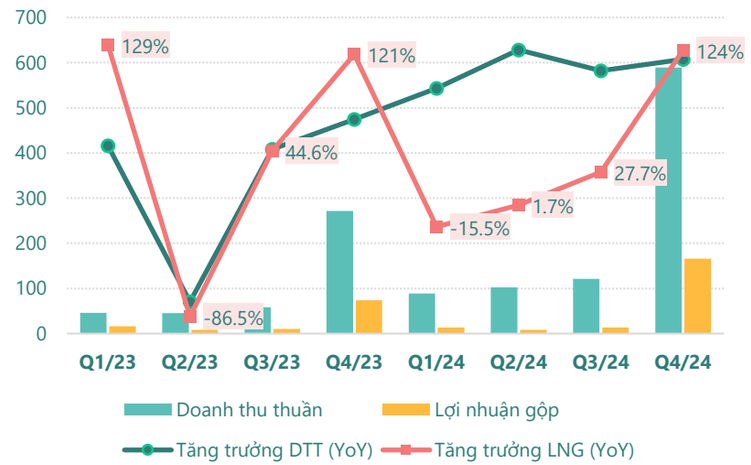


- Lê Quốc Bình (Chủ tịch HĐQT)
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội
- Vũ Tuấn Anh (Thành viên HĐQT)
- Phạm Ngọc Chiến (Thành viên HĐQT)
- CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

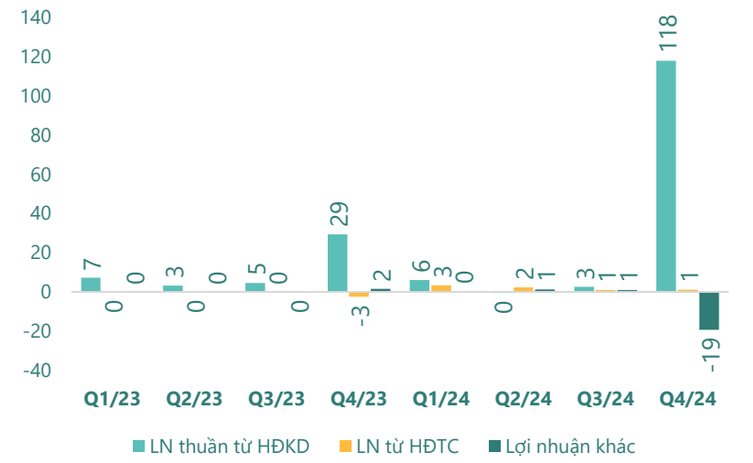
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



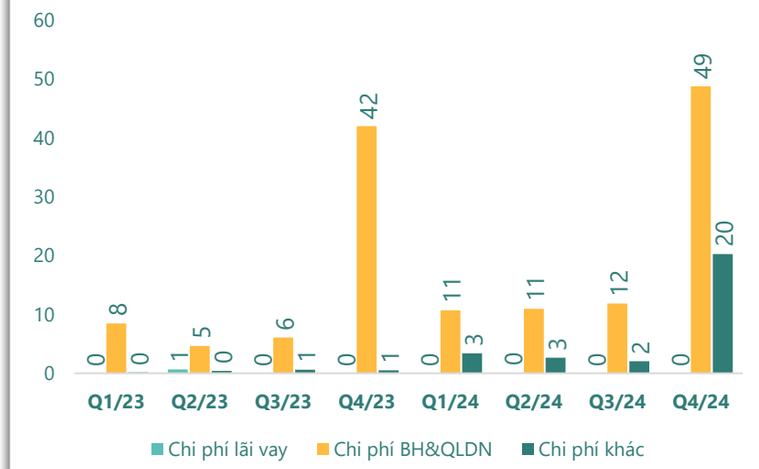
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



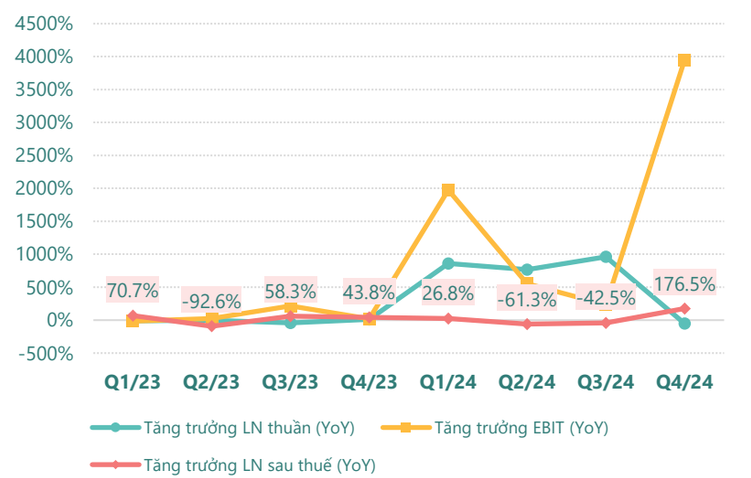
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



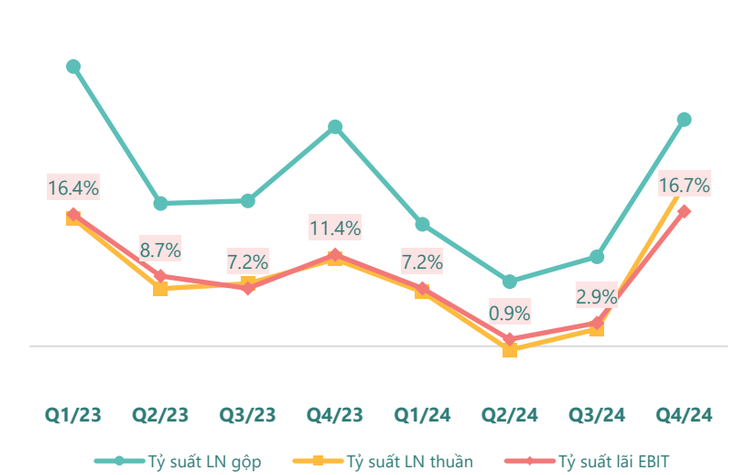
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



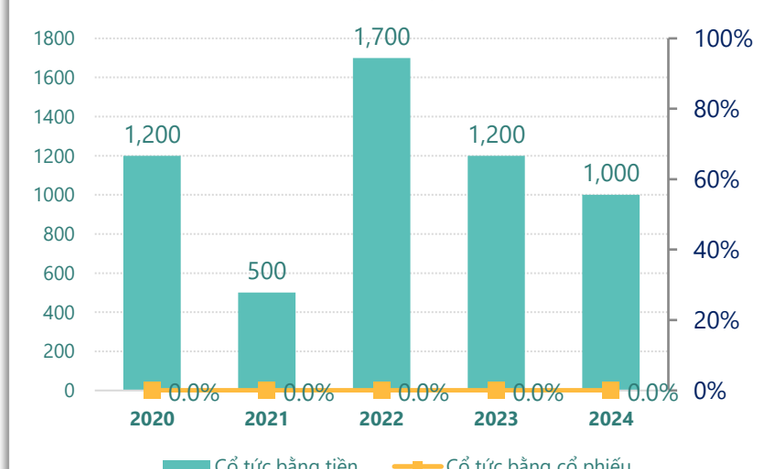
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

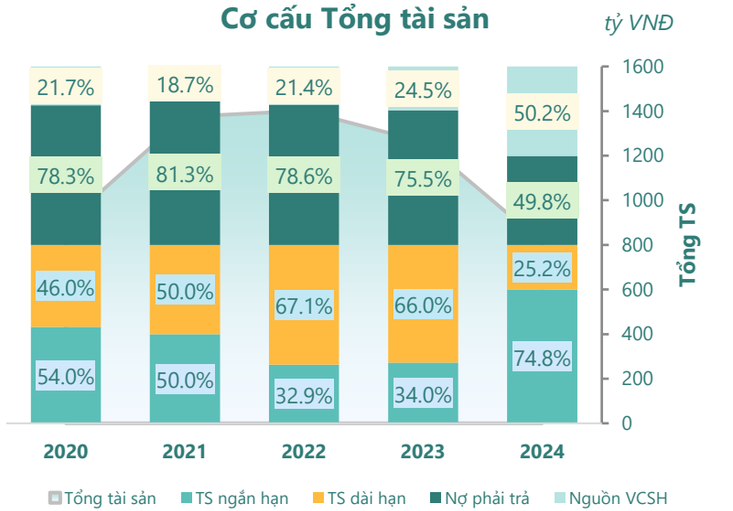
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

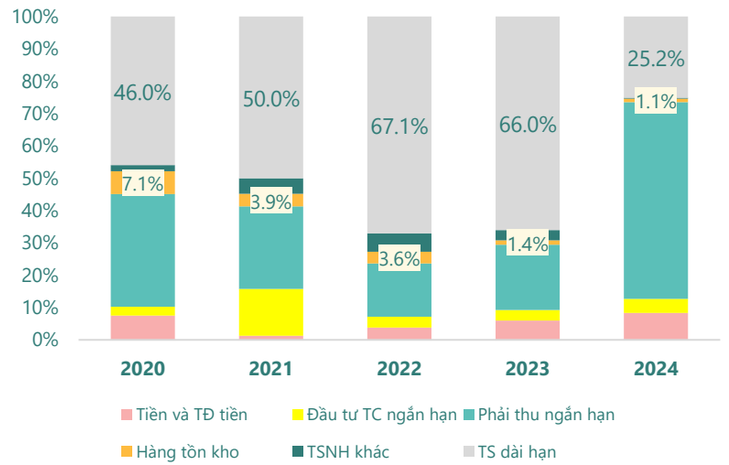
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



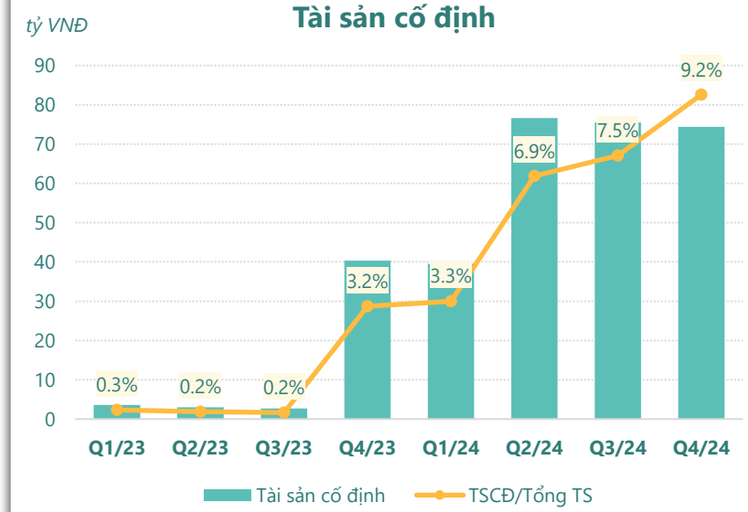
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



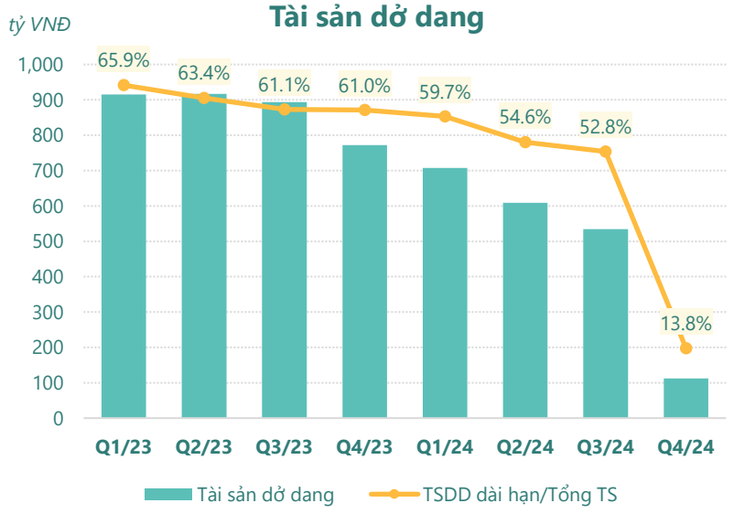
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



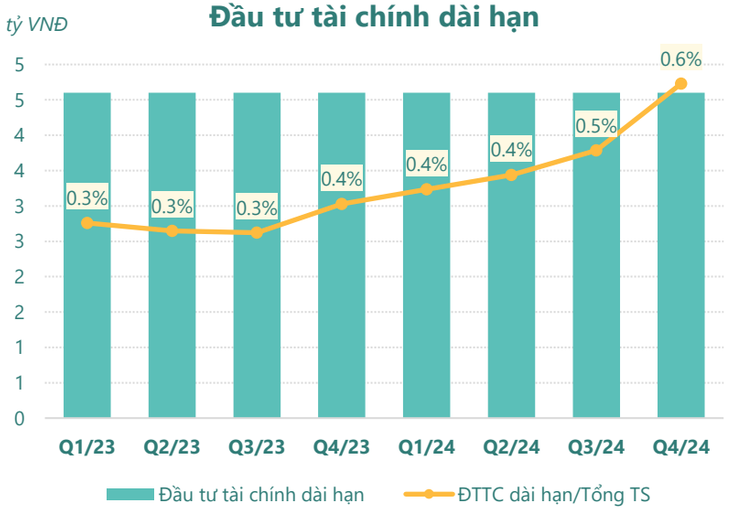
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



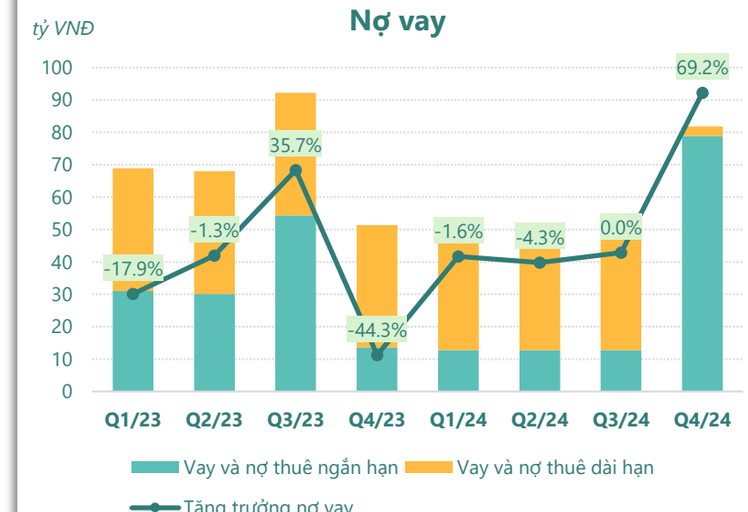
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

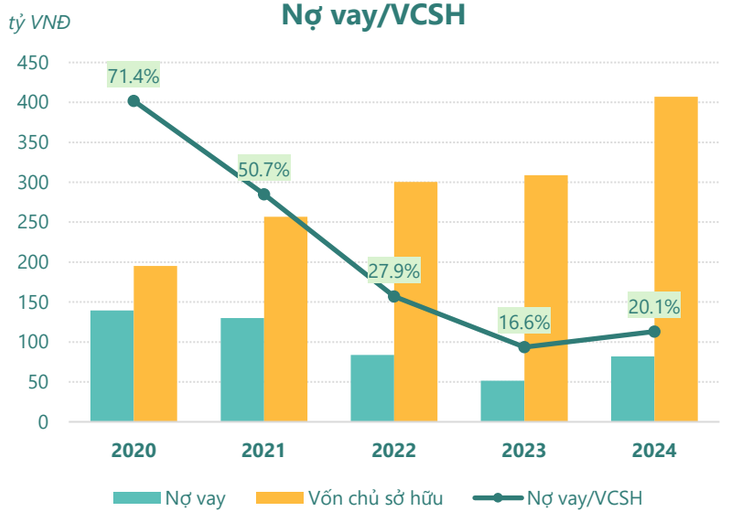
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



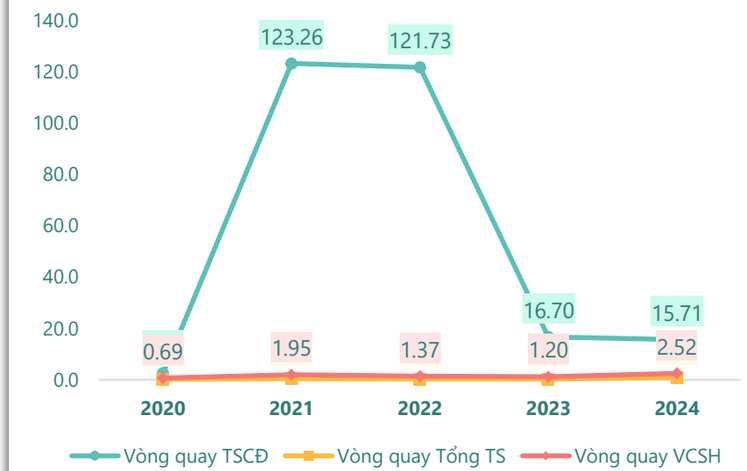
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



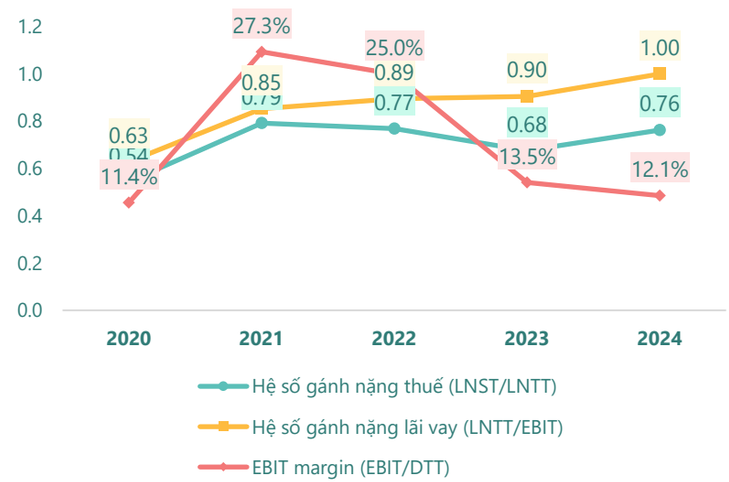
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



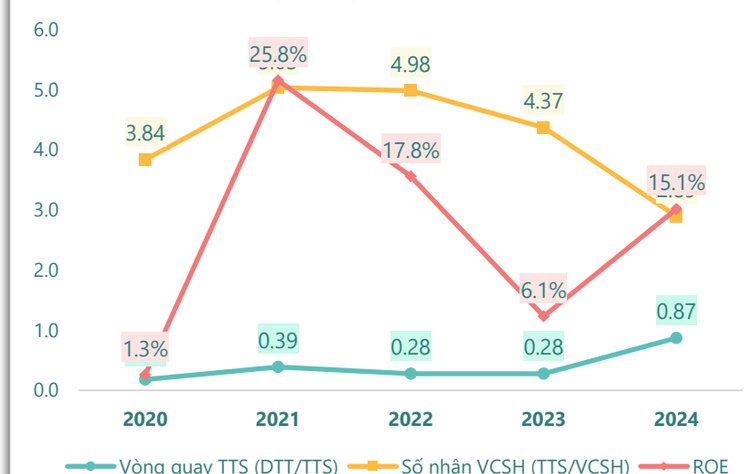
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



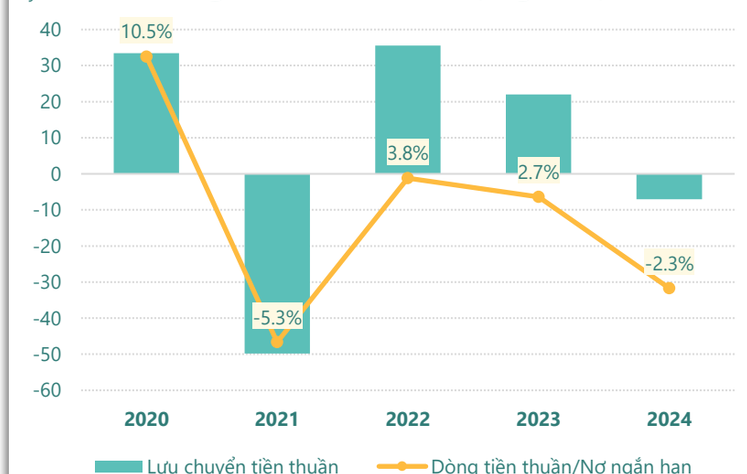
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**589**	**272**	**117%**	**901**	**367**	**146%**
Giá vốn hàng bán	424	198	114%	701	259	171%
Lợi nhuận gộp	166	73.9	124%	201	108	85.2%
Doanh thu HĐTC	1.47	1.48	-1.0%	8.14	2.03	301%
Chi phí TC	0.42	4.01	-89.4%	0.50	4.83	-89.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.06	4.73	-98.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	37.8	33.8	11.9%	51.0	37.5	36.0%
Chi phí QLDN	**11.0**	**8.22**	**33.6%**	**31.3**	**23.6**	**32.5%**
LN thuần từ HĐKD	118	29.4	301%	126	44.4	184%
Lợi nhuận khác	**-19.4**	**1.50**	**-1390%**	**-16.8**	**0.46**	**-3758%**
LN trước thuế	98.6	30.9	219%	109	44.9	144%
Lợi nhuận sau thuế	**75.6**	**22.6**	**235%**	**83.2**	**30.3**	**175%**
LNST của CĐ cty mẹ	**49.6**	**13.0**	**282%**	**54.1**	**18.7**	**189%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-37.9	1.62	-29.9	-14.5	24.0	12.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.9	8.36	7.88	8.21	-1.87	-78.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	32.7	-40.8	11.2	0	1.00	53.0
Tiền đầu kỳ	97.6	106	74.9	64.1	57.8	80.9
Lưu chuyển tiền thuần	**8.67**	**-30.9**	**-10.8**	**-6.29**	**23.2**	**-13.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	106	75.4	64.1	57.8	80.9	67.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**811**	**1,262**	**-35.8%**
Tài sản ngắn hạn	606	429	41.4%
Tiền và tương đương tiền	67.8	74.9	-9.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.2	42.1	-16.4%
Phải thu ngắn hạn	493	254	93.7%
Hàng tồn kho	9.12	17.5	-47.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.48	40.2	-96.3%
Tài sản dài hạn	**204**	**833**	**-75.5%**
Phải thu dài hạn	-2.02	10.2	-120%
Tài sản cố định	74.4	40.3	84.3%
Bất động sản đầu tư	8.61	1.62	431%
Tài sản dở dang	112	768	-85.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.60	4.60	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.76**	**1.02**	**-25.0%**
Lợi thế thương mại	5.56	6.96	-20.1%
Nợ phải trả	403	953	-57.7%
Nợ ngắn hạn	**299**	**808**	**-63.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	78.8	13.5	482%
Phải trả người bán ngắn hạn	52.6	49.9	5.4%
Nợ dài hạn	104	145	-28.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.03	37.8	-92.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**407**	**309**	**31.8%**
Vốn chủ sở hữu	**407**	**309**	**31.8%**
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)